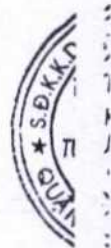


THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH



# CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO THÔNG THỦY BỘ BÌNH ĐỊNH

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017**



# CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO THÔNG THỦY BỘ BÌNH ĐỊNH

MỤC LỤC	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 03
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08 - 08
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09 - 09
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 22

\*\*\*\*\*



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Giao thông Thủy bộ Bình Định ("Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán.

### Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Giao thông Thủy bộ Bình Định là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Cổ phần Quản lý Giao thông Thủy bộ Bình Định theo Quyết định số 2827/QĐ-CTUBND ngày 21 tháng 6 năm 2007 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Định. Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100298605 ngày 02 tháng 01 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp. Trong quá trình hoạt động, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 3 ngày 06 tháng 10 năm 2017.

Vốn điều lệ theo Giấy phép: 10.678.000.000 VND

Công ty có trụ sở chính đặt tại: 220 Nguyễn Thị Định, phường Nguyễn Văn Cừ, T.p Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

### Hoạt động chính của Công ty:

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Quản lý, sửa chữa và bảo trì hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ. Xây dựng công trình giao thông;
- Xây dựng công trình thủy lợi, cấp thoát nước và kỹ thuật hạ tầng. Xây lắp đường dây và trạm biến áp điện. Quản lý, sửa chữa và bảo trì hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông đường thủy nội địa;
- Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp;
- Sản xuất các cấu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông nhựa nóng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng, mua bán vật liệu xây dựng.

### Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này.

### Kết quả hoạt động kinh doanh

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu thuần	88.948.937.271	24.819.129.091
- Lãi/ lỗ từ hoạt động sản xuất kinh doanh	(4.951.997.143)	179.126.617

### Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty vẫn đang hoàn thiện thủ tục để tăng vốn điều lệ của doanh nghiệp theo số vốn đã huy động bổ sung trong năm 2017.



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty tại ngày lập Báo cáo tài chính và báo cáo này bao gồm:

### **Hội đồng Quản trị**

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
Ông Lương Quang Vinh	Chủ tịch
Ông Trần Văn Dới	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Bảo	Thành viên
Ông Trương Tuấn Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Trọng Dũng	Thành viên

### **Ban kiểm soát**

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
Ông Nguyễn Duy Thuần	Trưởng ban
Ông Đoàn Thế Linh	Thành viên
Ông Lê Hoài Bảo	Thành viên

### **Ban Giám đốc**

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
Ông Trần Văn Dới	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Bảo	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Dũng	Phó Giám đốc
Ông Trương Tuấn Anh	Kế toán trưởng

### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn Tài Chính Toàn Cầu (GAFC) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định làm kiểm toán viên độc lập cho Công ty.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này Công ty phải:

- Ban Giám đốc đã tiến hành những bước cần thiết để đảm bảo rằng giá trị sổ sách của bất kỳ tài sản lưu động nào của Công ty đã được xác minh phù hợp với giá trị hợp lý của tài sản vào thời điểm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017;
- Các hoạt động trong năm của Công ty được phản ánh trên báo cáo tài chính không có khả năng bị ảnh hưởng một cách nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ, sự kiện có bản chất trọng yếu hay bất thường nào đã phát sinh cho đến ngày lập báo cáo này;
- Không có bất kỳ sự kiện hay trường hợp bất thường nào xảy ra kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2017 đến thời điểm lập báo cáo này có thể dẫn đến sự hiểu nhầm về các số liệu trình bày trong các báo cáo tài chính của Công ty;
- Trong trường hợp cần thiết, các thông tin cần công bố được giải trình trong phần thuyết minh báo cáo tài chính;



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số sách kế toán thích hợp được lưu trữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

### Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ Kế toán của Bộ Tài chính.

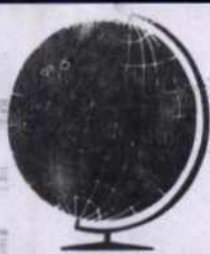
Bình Định, ngày 24 tháng 02 năm 2018

Thay mặt Ban Giám đốc *hqd*



Giám đốc





Số: 2211-01/2017/GAFC/KiT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - BAN GIÁM ĐỐC - QUÝ CỔ ĐÔNG  
CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO THÔNG THỦY BỘ BÌNH ĐỊNH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Giao thông Thủy bộ Bình Định được lập ngày 24 tháng 02 năm 2018, từ trang 06 đến trang 22 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm Toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán của Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán từ chối của chúng tôi.



### Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã không thể tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho, các công trình dở dang và tài sản cố định vào ngày 31 tháng 12 năm 2017. Với tài liệu hiện có của Công ty, chúng tôi cũng không thể kiểm tra được tính đúng đắn của các khoản mục trên tại thời điểm trên bằng các thủ tục kiểm toán khác.

Cho tới thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, chúng tôi vẫn chưa nhận được đầy đủ thư xác nhận số dư của các khoản: Phải thu ngắn hạn và nợ ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Như đã nêu tại mục V.2, V.3 và V.4 của Thuyết minh báo cáo tài chính về các khoản phải thu nhưng không thu hồi được, tuy nhiên đơn vị chưa xem xét để xử lý các khoản này.

Như đã nêu tại mục V.9, V.10 và V.12 của Thuyết minh báo cáo tài chính về các khoản phải trả đã tồn đọng trong thời gian khá dài, tuy nhiên đơn vị chưa xem xét để xử lý các khoản này một cách phù hợp.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn "*Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến*", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Giao thông Thủy bộ Bình Định tại ngày 31 tháng 12 năm 2017. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính *đính kèm*.

### **ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH TOÀN CẦU (GAFC)**



NGUYỄN DUY VŨ

Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số: 1562-2018-205-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 02 năm 2018

LÊ DUY NGỌC

Kiểm toán viên phụ trách

Chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số: 2691-2018-205-1



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO THÔNG THỦY BỘ BÌNH ĐỊNH**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>MÃ SỐ</b>	<b>TM</b>	<b>SỐ CUỐI NĂM</b>	<b>SỐ ĐẦU NĂM</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>77.218.125.319</b>	<b>76.481.708.437</b>
<b>I. Tiền &amp; các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1.</b>	<b>3.680.577.732</b>	<b>13.675.990.837</b>
Tiền	111		3.680.577.732	13.675.990.837
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>72.175.738.589</b>	<b>61.575.449.066</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2.	52.862.153.204	43.786.448.604
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3.	5.521.447.225	7.864.944.770
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4.	11.628.145.571	7.760.063.103
Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.4.	2.163.992.589	2.163.992.589
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.5.</b>	<b>1.230.268.534</b>	<b>1.230.268.534</b>
Hàng tồn kho	141		1.519.656.088	1.519.656.088
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(289.387.554)	(289.387.554)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>131.540.464</b>	<b>-</b>
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11.b.	131.540.464	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.491.475.772</b>	<b>1.685.271.350</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>V.6.</b>	<b>546.104.956</b>	<b>739.900.534</b>
TSCĐ hữu hình	221		546.104.956	739.900.534
- Nguyên giá	222		15.693.705.367	15.693.705.367
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(15.147.600.411)	(14.953.804.833)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.7.</b>	<b>945.370.816</b>	<b>945.370.816</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		945.370.816	945.370.816
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>78.709.601.091</b>	<b>78.166.979.787</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO THÔNG THỦY BỘ BÌNH ĐỊNH**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

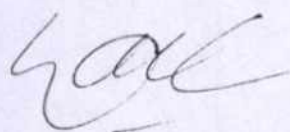
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

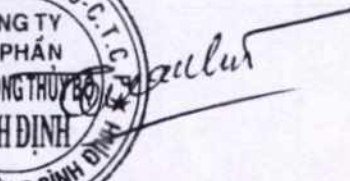
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>67.592.658.174</b>	<b>67.590.970.662</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>67.592.658.174</b>	<b>67.590.970.662</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9.	12.796.026.372	15.331.883.044
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10.	24.221.671.988	23.704.996.988
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11.a.	4.076.483.816	3.870.487.799
Phải trả người lao động	314		-	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		15.137.500	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12.	20.681.793.346	20.372.622.605
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.8.	5.801.545.152	4.310.980.226
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>D. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>11.116.942.917</b>	<b>10.576.009.125</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.13.</b>	<b>11.116.942.917</b>	<b>10.153.153.841</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		10.678.000.000	5.339.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		10.678.000.000	5.339.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		779.234.790	117.870.290
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		459.640.518	36.785.234
Quỹ đầu tư phát triển	418		4.330.059.519	4.330.059.519
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(5.129.991.910)	329.438.798
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		265.054.092	265.054.092
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(5.395.046.002)	64.384.706
<b>II. Nguồn kinh phí</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>422.855.284</b>
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	422.855.284
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>78.709.601.091</b>	<b>78.166.979.787</b>

Bình Định, ngày 24 tháng 02 năm 2018


**TRƯƠNG TUẤN ANH**  
 Kế toán trưởng

  
**TRẦN VĂN DỚI**  
 Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO THÔNG THỦY BỘ BÌNH ĐỊNH**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

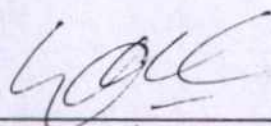
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	88.948.937.271	24.819.129.091
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2.	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.3.	88.948.937.271	24.819.129.091
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4.	86.204.659.001	19.416.675.584
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		2.744.278.270	5.402.453.507
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5.	3.491.652	6.503.553
7. Chi phí tài chính	22	VI.6.	360.172.296	316.151.354
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		360.172.296	316.151.354
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7.	7.339.594.769	4.913.679.089
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		(4.951.997.143)	179.126.617
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32	VI.8.	507.433.565	98.645.735
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(507.433.565)	(98.645.735)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(5.459.430.708)	80.480.882
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	VI.9.	-	16.096.176
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(5.459.430.708)	64.384.706
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.10.	(9.289)	117
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		(9.289)	117

Bình Định, ngày 24 tháng 02 năm 2018


**TRƯƠNG TUẤN ANH**  
 Kế toán trưởng

**TRẦN VĂN DỜI**  
 Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO THÔNG THỦY BỘ BÌNH ĐỊNH**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

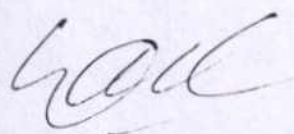
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MS	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
<b>I - Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	(5.459.430.708)	80.480.882
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	193.795.578	210.560.956
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.491.652)	(6.503.553)
- Chi phí lãi vay	06	360.172.296	316.151.354
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	(4.908.954.486)	600.689.639
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(10.731.829.987)	(1.026.296.980)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(1.223.542.219)	7.860.361.672
- Tiền lãi vay đã trả	14	(345.034.796)	(316.151.354)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(280.472.695)	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	(600.500.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(17.489.834.183)</b>	<b>6.518.102.977</b>
<b>II - Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.491.652	6.503.553
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>3.491.652</b>	<b>6.503.553</b>
<b>III - Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	6.000.364.500	-
- Tiền thu từ đi vay	33	11.940.564.926	5.932.987.489
- Tiền trả nợ gốc vay	34	(10.450.000.000)	(8.718.719.618)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(268.160.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>7.490.929.426</b>	<b>(3.053.892.129)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30+ 40)</b>	<b>50</b>	<b>(9.995.413.105)</b>	<b>3.470.714.401</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	13.675.990.837	10.205.276.436
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60+61)</b>	<b>70</b>	<b>3.680.577.732</b>	<b>13.675.990.837</b>

Bình Định, ngày 24 tháng 02 năm 2018



**TRƯƠNG TUẤN ANH**  
Kế toán trưởng



**TRẦN VĂN DỜI**  
Giám đốc



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn và thông tin doanh nghiệp:

Công ty Cổ phần Giao thông Thủy bộ Bình Định là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Cổ phần Quản lý Giao thông Thủy bộ Bình Định theo Quyết định số 2827/QĐ-CTUBND ngày 21 tháng 6 năm 2007 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Định. Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100298605 ngày 02 tháng 01 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp. Trong quá trình hoạt động, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 3 ngày 06 tháng 10 năm 2017.

Vốn điều lệ: 10.678.000.000 VND

Công ty có trụ sở chính đặt tại: 220 Nguyễn Thị Định, phường Nguyễn Văn Cừ, T.p Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

#### 2. Ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh:

- Quản lý, sửa chữa và bảo trì hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ. Xây dựng công trình giao thông;
- Xây dựng công trình thủy lợi, cấp thoát nước và kỹ thuật hạ tầng. Xây lắp đường dây và trạm biến áp điện. Quản lý, sửa chữa và bảo trì hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông đường thủy nội địa;
- Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp;
- Sản xuất các cấu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông nhựa nóng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng, mua bán vật liệu xây dựng.

#### 3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

### II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị sử dụng Đồng Việt Nam trong hạch toán kế toán.

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015 và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Vì vậy, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh các báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 3. Hình thức sổ kế toán áp dụng:

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI DOANH NGHIỆP

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính và nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính sử dụng đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam ("VND"), và được lập theo Chế độ kế toán, Chuẩn mực kế toán, Nguyên tắc kế toán Việt Nam được chấp nhận chung tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

### 3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

*Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:*

*Nguyên tắc ghi nhận:*

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

*Lập dự phòng phải thu khó đòi:*

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 1 năm trở lên doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng chưa thu được nợ và các khoản nợ dưới 1 năm nhưng con nợ có dấu hiệu không trả được nợ. Tăng hoặc giảm khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập theo từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Trong kỳ đơn vị chưa tiến hành trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

### 4. Hàng tồn kho

#### a. Nguyên tắc ghi nhận tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

- b. *Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:* Bình quân gia quyền
- c. *Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:* Kế khai thường xuyên
- d. *Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:*

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho với giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong năm.

Trong kỳ đơn vị chưa tiến hành trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

### 5. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ

#### *Tài sản cố định hữu hình*

*Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được thể hiện theo nguyên giá. Nguyên giá này bao gồm chi phí xây dựng, giá trị máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được tính khấu hao cho đến khi các tài sản có liên quan được hoàn thành và đưa vào sử dụng.

*Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình:*

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo thời gian quy định tại thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài Chính, cụ thể như sau:

<b>Nhóm Tài sản</b>	<b>Thời gian khấu hao ( năm)</b>
Nhà cửa vật kiến trúc	25
Máy móc thiết bị	12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị dụng cụ, quản lý	08

### 6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

*Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác:*

Nợ phải trả được ghi nhận khi có đủ điều kiện chắc chắn là doanh nghiệp sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại và khoản nợ phải trả đó phải xác định một cách đáng tin cậy.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

#### a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng:

Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

#### d. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, chi phí hợp đồng xây dựng:

##### *Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch:*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

##### *Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện:*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

### 8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

Các báo cáo thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định thuế đối với các nghiệp vụ có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau, do vậy, các số liệu thuế thể hiện trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 9. Các bên liên quan

Các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty được coi là các bên liên quan.

Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt tại quỹ	31.643.411	69.192.048
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.648.934.321	13.606.798.789
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>3.680.577.732</u></b>	<b><u>13.675.990.837</u></b>

#### 2. Phải thu của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>		
Sở Giao thông Vận tải Bình Định	16.214.233.158	6.788.327.158
Công ty TNHH XD Thuận Đức	837.623.000	1.537.623.000
Khách hàng khác	35.810.297.046	35.460.498.446
<b>Cộng</b>	<b><u>52.862.153.204</u></b>	<b><u>43.786.448.604</u></b>

Trong khoản phải thu khách hàng tại thời điểm cuối năm, có một số khoản khó có khả năng thu hồi, tuy nhiên đơn vị chưa tiến hành xử lý đối với các khoản này, với số tiền ước tính khoản 35.132.979.446 đồng.

#### 3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>		
Nhà cung cấp khác	5.521.447.225	7.864.944.770
<b>Cộng</b>	<b><u>5.521.447.225</u></b>	<b><u>7.864.944.770</u></b>

Trong khoản trả trước cho người bán vào thời điểm cuối năm, có một số khoản khó có khả năng thu hồi, tuy nhiên đơn vị chưa tiến hành xử lý đối với các khoản này, với số tiền ước tính khoản 5.521.447.225 đồng.

#### 4. Phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải thu khác ngắn hạn</b>	<b><u>13.792.138.160</u></b>	<b><u>9.924.055.692</u></b>
Tài sản thiếu chờ xử lý	2.163.992.589	2.163.992.589
Bảo hiểm xã hội	-	1.492.057.292
Ký cược, ký quỹ	246.212.081	217.778.275
Tạm ứng	4.187.431.020	4.399.821.716
Phải thu các đội thi công công trình	5.471.937.666	57.542.054
Thuế GTGT chưa kê khai	161.262.419	-
Phải thu quỹ khen thưởng phúc lợi	282.100.000	184.200.770
Các khoản phải thu khác	1.279.202.385	1.408.662.996
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>13.792.138.160</u></b>	<b><u>9.924.055.692</u></b>
Dự phòng phải thu khó đòi (*)	-	-
<b>Giá trị thuần của phải thu thương mại và phải thu khác</b>	<b><u>72.175.738.589</u></b>	<b><u>61.575.449.066</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO THÔNG THỦY BỘ BÌNH ĐỊNH**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Trong khoản phải thu ngắn hạn khác tại thời điểm cuối năm, có một số khoản khó có khả năng thu hồi, tuy nhiên đơn vị chưa tiến hành xử lý đối với các khoản này, với số tiền ước tính khoản **8.399.486.433** đồng.

**5. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	174.942.036	174.942.036
Công cụ, dụng cụ	4.109.814	4.109.814
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.134.703.233	1.134.703.233
Thành phẩm	49.450.120	49.450.120
Hàng hóa	156.450.885	156.450.885
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.519.656.088</b>	<b>1.519.656.088</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(289.387.554)	(289.387.554)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được</b>	<b>1.230.268.534</b>	<b>1.230.268.534</b>

**6. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải và truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
<b>Số đầu năm</b>	<b>2.665.438.100</b>	<b>11.455.891.666</b>	<b>1.540.102.874</b>	<b>32.272.727</b>	<b>15.693.705.367</b>
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.665.438.100</b>	<b>11.455.891.666</b>	<b>1.540.102.874</b>	<b>32.272.727</b>	<b>15.693.705.367</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
<b>Số đầu năm</b>	<b>2.624.358.204</b>	<b>10.887.247.657</b>	<b>1.417.994.428</b>	<b>24.204.544</b>	<b>14.953.804.833</b>
Tăng trong năm	8.346.754	120.360.509	61.054.224	4.034.091	193.795.578
Khấu hao trong năm	8.346.754	120.360.509	61.054.224	4.034.091	193.795.578
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.632.704.958</b>	<b>11.007.608.166</b>	<b>1.479.048.652</b>	<b>28.238.635</b>	<b>15.147.600.411</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
<b>Số đầu năm</b>	<b>41.079.896</b>	<b>568.644.009</b>	<b>122.108.446</b>	<b>8.068.183</b>	<b>739.900.534</b>
<b>Số cuối năm</b>	<b>32.733.142</b>	<b>448.283.500</b>	<b>61.054.222</b>	<b>4.034.092</b>	<b>546.104.956</b>

Toàn bộ giá trị tài sản: nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải và truyền dẫn đã được dùng để thế chấp cho các hợp đồng vay. Xem thuyết minh V.8.

**7. Tài sản dở dang dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>945.370.816</b>	<b>945.370.816</b>
- Công trình khu khai thác mỏ đá (*)	856.264.174	856.264.174
- Công trình nhà hạt	89.106.642	89.106.642
<b>Tổng cộng</b>	<b>945.370.816</b>	<b>945.370.816</b>

(\*) Trong năm tài chính 2017 doanh nghiệp đã xin trả lại quyền khai thác mỏ đá, đối với các khoản chi phí đã đầu tư xây dựng cho công trình này, đơn vị đang tiến hành các thủ tục thanh lý để thu hồi một phần giá trị đã đầu tư.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**8. Vay và nợ thuê tài chính**

**Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng:	5.651.545.152	4.010.980.226
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bình Định (*)	5.651.545.152	4.010.980.226
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	150.000.000	300.000.000
- Bà Nguyễn Thị Phương Thúy (**)	150.000.000	300.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>5.801.545.152</u></b>	<b><u>4.310.980.226</u></b>

(\*) Khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định theo hợp đồng tín dụng từng lần, chi tiết như sau:

- Khoản vay theo Hợp đồng cho vay ngắn hạn số 88/NHNT-BĐ ký ngày 02 tháng 08 năm 2017, hạn mức: 2.000.000.000 VNĐ. Mục đích: Thanh toán chi phí quản lý, sửa chữa và bảo trì hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ, chi phí xây dựng công trình giao thông. Lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Thời hạn vay 10 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng: Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 76/2014/VCB; phương tiện vận tải đã qua sử dụng, xe chuyên dùng đã qua sử dụng, máy móc thiết bị đã qua sử dụng theo Hợp đồng thế chấp số 77/2014/CB Quy Nhơn và số 59/2014/VCB Quy Nhơn. Xem thuyết minh V.6

- Khoản vay theo Hợp đồng cho vay ngắn hạn số 124/NHNT-BĐ ký ngày 04 tháng 10 năm 2017, hạn mức: 4.000.000.000 VNĐ. Mục đích: Thanh toán chi phí thi công công trình: công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên các tuyến đường tỉnh năm 2017. Lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Thời hạn vay 10 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng: Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 76/2014/VCB; phương tiện vận tải đã qua sử dụng, xe chuyên dùng đã qua sử dụng, máy móc thiết bị đã qua sử dụng theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 77/2014/CB Quy Nhơn và số 59/2014/VCB Quy Nhơn. Xem thuyết minh V.6

- Khoản vay theo Hợp đồng cho vay ngắn hạn số 170/NHNT-BĐ ký ngày 12 tháng 12 năm 2017, hạn mức: 1.500.000.000 VNĐ. Mục đích: Thanh toán chi phí công trình: Xử lý diêm đen, diêm tiêm ẩn tai nạn giao thông các tuyến QL.19, QL.19B và QL.19C tỉnh Bình Định. Lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng: Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 76/2014/VCB; phương tiện vận tải đã qua sử dụng, xe chuyên dùng đã qua sử dụng, máy móc thiết bị đã qua sử dụng theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 77/2014/CB Quy Nhơn và số 59/2014/VCB Quy Nhơn. Xem thuyết minh V.6

(\*\*) Đây là khoản vay cá nhân với Bà Nguyễn Thị Phương Thúy, nhân viên Công ty với số tiền là 150.000.000 đồng nhằm phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, theo lãi suất cho vay của ngân hàng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**9. Phải trả người bán**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>12.796.026.372</b>	<b>12.796.026.372</b>	<b>15.331.883.044</b>	<b>15.331.883.044</b>
DNTN Phú Quý	1.170.398.300	1.170.398.300	1.300.398.300	1.300.398.300
Cty TNHH TM & XD Tâm Phước	55.000.000	55.000.000	-	-
Nhà cung cấp khác	11.570.628.072	11.570.628.072	14.031.484.744	14.031.484.744
<b>Tổng cộng</b>	<b>12.796.026.372</b>	<b>12.796.026.372</b>	<b>15.331.883.044</b>	<b>15.331.883.044</b>

Trong khoản phải trả người bán ngắn hạn vào thời điểm cuối năm, có một số khoản nợ đã tồn đọng trong thời gian khá dài, với số tiền 11.570.628.072 đồng, tuy nhiên đơn vị chưa xem xét để giải quyết các khoản nợ này một cách phù hợp.

**10. Người mua trả tiền trước**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>		
Ban QLDA CTGT Bình Định	1.270.862.590	727.896.590
Khách hàng khác	22.950.809.398	22.977.100.398
<b>Tổng cộng</b>	<b>24.221.671.988</b>	<b>23.704.996.988</b>

Trong khoản người mua trả tiền trước vào thời điểm cuối năm, có một số khoản nợ đã tồn đọng trong thời gian khá lâu, với số tiền 22.950.809.398 đồng, tuy nhiên đơn vị chưa xem xét để giải quyết các khoản nợ này một cách phù hợp.

**11. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước**

**a. Phải nộp**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT đầu ra	2.113.599.512	8.894.893.729	8.301.835.847	2.706.657.394
Thuế TNDN	1.650.299.117	-	280.472.695	1.369.826.422
Thuế thu nhập cá nhân	106.589.170	179.171.826	285.760.996	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	982.800.000	982.800.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.870.487.799</b>	<b>10.056.865.555</b>	<b>9.850.869.538</b>	<b>4.076.483.816</b>

**b. Phải thu**

	Số đầu năm	Số phát sinh tăng trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	131.540.464	131.540.464
<b>Tổng cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>131.540.464</b>	<b>131.540.464</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**12. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	35.525.000	-
Bảo hiểm xã hội	708.652.812	-
Bảo hiểm y tế	45.723.600	-
Bảo hiểm thất nghiệp	20.322.206	-
Công ty TNHH nhựa đường Minh Đạt (HCM)	6.212.311	7.900.000.000
Hoàng Trí Việt	112.824.000	-
Phải trả các đội thi công công trình	2.994.179.043	4.889.015.438
Tạm ứng	8.353.039.774	4.121.331.251
Phải trả về cổ phần hóa	932.000	932.000
Phải trả khác	8.404.382.600	3.461.343.916
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>20.681.793.346</u></b>	<b><u>20.372.622.605</u></b>

Trong khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn vào thời điểm cuối năm, có một số khoản nợ đã tồn đọng trong thời gian khá dài, với số tiền **9.020.389.189** đồng, tuy nhiên đơn vị chưa xem xét để giải quyết các khoản nợ này một cách phù hợp.



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO THÔNG THỦY BỘ BÌNH ĐỊNH**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**13. Vốn chủ sở hữu**

**a. Tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm:**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư cổ phần	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	5.339.000.000	117.870.290	36.785.234	4.330.059.519	550.056.888	10.373.771.931
Lãi năm trước	-	-	-	-	64.384.706	64.384.706
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	(268.160.000)	(268.160.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(16.842.796)	(16.842.796)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>5.339.000.000</b>	<b>117.870.290</b>	<b>36.785.234</b>	<b>4.330.059.519</b>	<b>329.438.798</b>	<b>10.153.153.841</b>
Số dư đầu năm nay	5.339.000.000	117.870.290	36.785.234	4.330.059.519	329.438.798	10.153.153.841
Tăng vốn năm nay	5.339.000.000	-	-	-	-	5.339.000.000
Tăng khác	-	661.364.500	422.855.284	-	-	1.084.219.784
Lỗ năm nay	-	-	-	-	(5.459.430.708)	(5.459.430.708)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>10.678.000.000</b>	<b>779.234.790</b>	<b>459.640.518</b>	<b>4.330.059.519</b>	<b>(5.129.991.910)</b>	<b>11.116.942.917</b>

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính được đính kèm



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO THÔNG THỦY BỘ BÌNH ĐỊNH**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****b. Cổ phiếu:**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đã phát hành		
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.067.800	533.900
Số lượng cổ phiếu hiện đang lưu hành		
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.067.800	533.900
Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu		

**c. Vốn điều lệ:**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 3 số 4100298605 ngày 06 tháng 10 năm 2017 và Sổ cổ đông ngày 31 tháng 12 năm 2017. Chi tiết phần vốn góp như sau:

Tên cổ đông	Vốn góp theo sổ cổ đông VND	Vốn thực góp VND	Tỷ lệ
Lương Xuân Vinh	5.409.710.000	5.409.710.000	100%
Công ty TNHH Xuân Chiến	1.975.000.000	1.975.000.000	100%
Lưu Văn Hà	1.312.500.000	1.312.500.000	100%
Quý ĐT&PT Bình Định	655.790.000	655.790.000	100%
Cổ đông khác	1.325.000.000	1.325.000.000	100%
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.678.000.000</b>	<b>10.678.000.000</b>	<b>100%</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>88.948.937.271</b>	<b>24.819.129.091</b>
- Doanh thu bán hàng hóa	63.675.387.272	-
- Doanh thu hoạt động xây dựng	25.273.549.999	24.819.129.091
Trong đó:		
- <i>Doanh thu đối với các bên liên quan</i>	21.587.656.362	21.587.656.362

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu****3. Doanh thu thuần****4. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	63.582.657.273	-
Giá vốn hợp đồng xây dựng	22.622.001.728	19.416.675.584
<b>Tổng cộng</b>	<b>86.204.659.001</b>	<b>19.416.675.584</b>

**5. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	3.491.652	6.503.553
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.491.652</b>	<b>6.503.553</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**6. Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	360.172.296	316.151.354
<b>Tổng cộng</b>	<b>360.172.296</b>	<b>316.151.354</b>

**7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	5.498.769.480	3.033.594.045
Chi phí đồ dùng văn phòng	201.997.114	40.012.363
Khấu hao tài sản cố định	193.795.578	210.560.957
Thuế, phí, lệ phí	45.053.405	118.396.224
Chi phí bằng tiền khác	1.399.979.192	1.511.115.500
<b>Tổng cộng</b>	<b>7.339.594.769</b>	<b>4.913.679.089</b>

**8. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí phạt vi phạm thuế và chậm nộp bảo hiểm	507.433.565	98.645.735
<b>Tổng cộng</b>	<b>507.433.565</b>	<b>98.645.735</b>

**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(5.459.430.708)</b>	<b>80.480.882</b>
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận xác định thu nhập chịu thuế		
- Các khoản điều chỉnh tăng	507.433.565	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>(4.951.997.143)</b>	<b>80.480.882</b>
Thuế suất phổ thông	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>16.096.176</b>

**10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lãi lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông trước các khoản điều chỉnh	(5.459.430.708)	64.384.706
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(1.694.116)
+ Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(1.694.116)
Lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(5.459.430.708)	62.690.590
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	587.740	533.900
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(9.289)</b>	<b>117</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty vẫn đang hoàn thiện thủ tục để tăng vốn điều lệ của doanh nghiệp theo số vốn đã huy động bổ sung trong năm 2017.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2. Một số chỉ số đánh giá tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

Chi tiêu

2.1. Bộ trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn

2.1.1. Bộ trí cơ cấu tài sản (%)

- Tài sản dài hạn / Tổng tài sản

- Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản

2.1.2. Bộ trí cơ cấu nguồn vốn (%)

- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn

- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn

Số cuối năm

Số đầu năm

2.2. Khả năng thanh toán

2.2.1. Khả năng thanh toán nợ ( lần )

2.2.2. Khả năng thanh toán hiện hành ( lần )

2.2.3. Khả năng thanh toán nhanh ( lần )

1,89%

2,16%

98,11%

97,84%

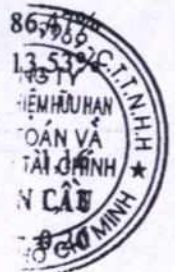
85,88%

14,12%

1,16

1,14

0,05



3. Những thông tin khác

Phê chuẩn Báo cáo tài chính:

Các Báo cáo tài chính trên đây đã được Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Giao Thông Thủy Bộ Bình Định phê duyệt vào ngày 24 tháng 02 năm 2018.

Bình Định, ngày 24 tháng 02 năm 2018

Handwritten signature of Trương Tuấn Anh

TRƯƠNG TUẤN ANH

Kế toán trưởng



TRẦN VĂN DỚI

Giám đốc

Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Số Chứng thực: 4880 Quyển số: 1 SCT/BS

Ngày 20-09-2018



PHÓ CHỦ TỊCH

Handwritten signature of Võ Đình Lang